TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: 06/2018/HNGĐ-ST
Ngày 12 - 01 - 2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG G XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TP. HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhã

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đức Khoa

Ông Hoàng Đắc Hân

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 644/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2017 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 412/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà H, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn 11, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông B, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn 11, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 9 năm 2017 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là bà H trình bày:

1. Về hôn nhân:

Bà Hà và ông B kết hôn với nhau vào năm 1994 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 5 năm 1994 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng. Sau cưới bà về gia đình ông B sinh sống, vợ chồng đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn 11, xã H. Quá trình chung sống vợ chồng G thuận và có hai con chung, đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn, căng thẳng trầm trọng từ năm 2011. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung, không thống nhất trong việc làm kinh tế, không tin tưởng nhau về mặt tình cảm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi mắng, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình và địa phương tham gia G giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và trầm trọng, hôn nhân không có hạnh phúc nên bà đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn ông B.

2. Về con chung:

Bà Hà trình bày bà và ông B có hai con chung tên là Mạc Quang Hưng sinh ngày 15 tháng 3 năm 1995 và G sinh ngày 17 tháng 10 năm 2002. Con tên Hưng hiện đã trưởng thành, khỏe mạnh và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà trực tiếp nuôi con tên G từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, khi ly hôn bà đề nghị được tiếp tục nuôi con tên G. Về cấp dưỡng nuôi con chung để bà và ông B tự thỏa thuận giao nhận với nhau nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và công nợ chung:

Bà Hà trình bày bà và ông B có tài sản chung và công nợ chung, để bà và ông B tự thỏa thuận giải quyết với nhau nếu không được sẽ đề nghị Tòa án giải quyết sau.

Ông B là bị đơn trong vụ án, cho đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai vẫn không có ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng, nguyên đơn chấp hành pháp luật, bị đơn không chấp hành pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Về hôn nhân: Bà H

được ly hôn ông B; về con chung: Giao cho bà H trực tiếp nuôi con tên là G sinh ngày 17 tháng 10 năm 2002 cho đến khi con đủ mười tám tuổi và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; về tài sản chung và công nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết; nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là bà H vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn là ông B vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Hà và ông B đã được xác lập là hợp pháp (Giấy chứng nhận kết hôn số 19 đăng ký ngày 08 tháng 5 năm 1994 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng). Căn cứ vào lời khai của đương sự, tài liệu điều tra xác minh tại địa phương thể hiện quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn từ năm 2006, căng thẳng trầm trọng từ năm 2011. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung, không thống nhất trong việc làm kinh tế và không tin tưởng nhau về mặt tình cảm dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình và địa phương tham gia G giải song không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Ông B vẫn sinh sống tại gia đình và địa phương, biết việc bà Hà xin ly hôn song không trình bày quan điểm của mình. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng có tồn tại làm cho hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khả năng đoàn tụ không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bà Hà yêu cầu ly hôn, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho bà Hà được ly hôn ông B.

[3]. Về con chung: Bà Hà và ông B có hai con chung tên là Mạc Quang Hưng sinh ngày 15 tháng 3 năm 1995 và G sinh ngày 17 tháng 10 năm 2002. Con tên Hưng hiện đã thành niên, khỏe mạnh và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Việc giao con tên G cho ai nuôi cần phải căn cứ

vào quyền lợi về mọi mặt của con và xem xét nguyện vọng của con chưa thành niên. Xét thấy, bà Hà trực tiếp nuôi con từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, khi ly hôn bà Hà đề nghị được tiếp tục nuôi con, mặt khác con có nguyện vọng được ở với bà Hà, ông B không có ý kiến. Do vậy, cần giao con tên G cho bà Hà trực tiếp nuôi là phù hợp với các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Hà đề nghị để bà và ông B tự thỏa thuận giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung và công nợ chung: Bà Hà trình bày bà và ông B có tài sản chung và công nợ chung, để tự giải quyết với nhau nếu không được sẽ đề nghị Tòa án giải quyết sau. Ông B chưa có ý kiến nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[6]. Về án phí: Bà Hà phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Về hôn nhân: Bà H được ly hôn ông B.

2. Về con chung: Giao cho bà H trực tiếp nuôi con chung tên là G sinh ngày 17 tháng 10 năm 2002 cho đến khi con đủ mười tám tuổi và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005813 ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hải Phòng. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND H.Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS H.Thủy Nguyên;
- UBND xã H, TN, HP
(cơ quan đã thực hiện việc đkkh);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nhã

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Hưng - Nguyễn Thị Huyền **Lê Anh Sơn**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Lê Anh Sơn.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Huyền

2. Bà Nguyễn Thị Hưng

Căn cứ vào các Điều 210, 236 và 274 của Bộ luật tố tụng dân sự:

Vào hồi 09 giờ 00 ngày 28 tháng 02 năm 2014, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 04/2014/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2014 về việc "Ly hôn; tranh chấp về nuôi con":

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ánh, sinh năm 1983; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn An Thắng, xã An Lư, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Thôn 5, xã Gia Đức, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn Tiến, sinh năm 1982; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn An Thắng, xã An Lư, huyện T, thành phố Hải Phòng. Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Xuân Nguyên - Tổng cục VIII- Bộ Công an.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu của vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà; Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

- *Về điều luật áp dụng*: Áp dụng Điều 27, Điều 131; khoản 1 Điều 202 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 89; Điều 90; Điều 92 ; Điều 94 Luật hôn nhân và gia đình; Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án.

Kết quả biểu quyết 3/3

* *Về nội dung*:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ánh và anh Trần Văn Tiến.

Kết quả biểu quyết 3/3

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ánh trực tiếp nuôi con chung tên Trần Thị Bích Lan sinh ngày 10/11/2002.

Không ai được ngăn cản quyền thăm nom con chung.

Kết quả biểu quyết 3/3

* *Các vấn đề khác:*

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ánh phải nộp 200.000đ00 (Hai trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

- Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Kết quả biểu quyết: 3/3

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Huyền- Nguyễn Thị Hưng **Lê Anh Sơn**